

KẾ HOẠCH

Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022

Thực hiện Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 46) về Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Căn cứ Chương trình công tác năm 2022 số 314/CTr-UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Ủy ban nhân dân Thành phố (UBND Thành phố) ban hành Kế hoạch đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn Thành phố năm 2022, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện chính sách đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo quy định của nhà nước, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, gắn đào tạo nghề ngắn hạn với giải quyết việc làm tại từng địa phương.
- Kịp thời trang bị kiến thức, kỹ năng nghề cho người lao động; tạo cơ hội tìm kiếm việc làm, chuyển đổi việc làm phù hợp yêu cầu của thị trường lao động.
- Nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của đào tạo nghề trong phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự đồng thuận, vào cuộc của doanh nghiệp, người lao động trong thực hiện chính sách đào tạo nghề góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu lao động trong thời kỳ hội nhập và ứng dụng khoa học công nghệ 4.0.

2. Yêu cầu

- Huy động sự tham gia của hệ thống chính trị và mọi tầng lớp Nhân dân vào việc triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn Thành phố; tạo được sự phối kết hợp chặt chẽ của các cấp, ngành trên địa bàn Thành phố trong việc thực hiện chính sách đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo quy định.
- Đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo, gắn đào tạo với giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động trên địa bàn Thành phố.
- Tổ chức đào tạo đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu

- Tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho 21.239 người (thuộc các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 46).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

- Góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72,2%.

Hình thức đào tạo: Thực hiện theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định tại Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND Thành phố quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng, điều kiện và chính sách học nghề

2.1. Đối tượng: Gồm 05 nhóm đối tượng

- Nhóm 1: Người khuyết tật;
- Nhóm 2: Người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;
- Nhóm 3: Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm;
- Nhóm 4: Người thuộc hộ cận nghèo;
- Nhóm 5: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng (nhóm 1,2,3,4) kế hoạch này.

2.2. Điều kiện: Là người từ đủ 15 (mười lăm) tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học và có nhu cầu học nghề, hộ khẩu thường trú tại Hà Nội.

2. Chính sách đối với người học nghề

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề

- Người lao động tham gia học nghề theo Quyết định số 46 được hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.
- Mức hỗ trợ theo quy định của UBND Thành phố đối với từng nghề, từng đối tượng cụ thể.

b) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại học nghề

- Đối tượng được hỗ trợ: Người tham gia học nghề thuộc nhóm 1; nhóm 2; nhóm 3; nhóm 4.
- Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học; hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học, trường hợp địa điểm đào tạo cách xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xã nơi cư trú từ 5 km trở lên.

3. Danh mục nghề đào tạo

Danh mục nghề đào tạo trên địa bàn Thành phố gồm 20 nghề, trong đó:

- Nhóm nghề phi nông nghiệp 11 nghề, gồm các nghề: Mộc mỹ nghệ; Mộc dân dụng; Kỹ thuật sơn mài; Kỹ thuật khảm trai; Sản xuất hàng mây tre, giang đan; Hàn điện; Điện dân dụng; Sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí; Pha chế đồ uống; May công nghiệp; Xây trát dân dụng.

- Nhóm nghề nông nghiệp 09 nghề, gồm: Chăn nuôi thú y; Trồng rau hữu cơ, trồng rau an toàn; Trồng lúa chất lượng cao; Trồng cây ăn quả; Kỹ thuật chăn nuôi lợn; Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh; Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm; Kỹ thuật trồng hoa; Trồng đào, quất cảnh.

4. Quy mô đào tạo, chương trình, phương thức đào tạo, nội dung chi

a) Quy mô đào tạo: Tối đa 35 học viên/lớp.

b) Chương trình đào tạo: Trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

c) Phương thức đào tạo nghề

- Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được thực hiện đa dạng, linh hoạt: Đào tạo chính quy tại các cơ sở đào tạo nghề; đào tạo lưu động tại các địa phương; đào tạo tại nơi sản xuất, doanh nghiệp, làng nghề; kết hợp đào tạo lý thuyết tại cơ sở và thực hành nghề tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, dịch vụ...

- Việc tổ chức đào tạo nghề cho người lao động chủ yếu dạy thực hành, thời gian đào tạo phù hợp từng nghề, phù hợp nhận thức của người lao động.

+ Đối với các nghề phi nông nghiệp tập trung tổ chức đào tạo theo vị trí việc làm tại các doanh nghiệp tuyển dụng theo hợp đồng lao động hoặc tổ chức việc làm cho người lao động theo hợp đồng bao tiêu sản phẩm...

+ Đối với các nghề nông nghiệp tập trung tổ chức đào tạo cho các đối tượng nông dân ở các vùng sản xuất hàng hóa thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; lao động làm việc trong các trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với nông dân, đủ điều kiện áp dụng kiến thức nghề sau khi học.

- Ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm đối với: Lao động thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm...

- Không tổ chức đào tạo nghề cho lao động khi chưa dự báo được nơi làm việc và xác định được mức thu nhập tăng thêm của người lao động sau khi học nghề.

d) Nội dung chi

Thực hiện đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng nội dung đảm bảo hiệu quả và đúng quy định tài chính.

5. Cơ sở thực hiện đào tạo nghề

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng phải có đủ điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định. Trong đó, ưu tiên các doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm đào tạo nghề, có cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy tốt và có nhiều giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động sau học nghề.

- Không để các cơ sở đào tạo nghề không đủ điều kiện, tổ chức đào tạo nghề kém hiệu quả tham gia đào tạo nghề cho người lao động.

III. KINH PHÍ

1. Ngân sách Thành phố đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chung thuộc cấp Thành phố (tuyên truyền, tư vấn học nghề việc làm, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá đào tạo ...).

2. Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo và các nhiệm vụ khác theo phân cấp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức đào tạo: Hoàn thành trước 31/12/2022.

2. Phân công trách nhiệm

a. Sở Lao động Thương binh và Xã hội (là cơ quan thường trực)

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã hướng dẫn, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, theo Quyết định số 46, trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022; chịu trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với nhóm nghề phi nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị liên quan xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dịch vụ đào tạo, mức hỗ trợ các đối tượng, các nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan báo chí Thành phố và hệ thống thông tin cơ sở, chủ lực là đài truyền thanh cơ sở tuyên truyền về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan, xây dựng Kế hoạch, triển khai công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hoạt động trình độ sơ cấp, đào

đ. Sở Công Thương

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Sở quản lý thực hiện các nội dung:

+ Tạo điều kiện hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cho người lao động qua đào tạo tham gia các hoạt động giao thương, hội chợ, triển lãm do Sở Công thương và các Sở, ngành tổ chức.

+ Rà soát nhu cầu tuyển dụng lao động sau học nghề theo Quyết định số 46, gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội để phối hợp các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động đảm bảo hiệu quả.

+ Tuyển dụng, giải quyết việc làm cho lao động sau học nghề để nâng cao mức thu nhập, ổn định cuộc sống.

- Triển khai thực hiện các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn (về quản trị doanh nghiệp, Marketing, Khởi sự doanh nghiệp, Hội nhập kinh tế quốc tế, Thiết kế mẫu mã sản phẩm thủ công mỹ nghệ,...) theo chương trình khuyến công thành phố Hà Nội.

- Định kỳ 6 tháng, 01 năm tổng hợp báo cáo công tác đào tạo nghề theo chương trình khuyến công báo cáo các Bộ, ngành liên quan theo quy định; đồng thời gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp chung, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát công tác tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, theo Quyết định số 46, trên địa bàn Thành phố.

e. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí Thành phố, cơ quan báo chí trung ương phối hợp, chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở, tuyên truyền về nội dung, các hoạt động triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của đào tạo nghề, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và giải quyết việc làm trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát công tác tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, theo Quyết định số 46, trên địa bàn Thành phố.

g. Các Sở, ban, ngành liên quan

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, thực hiện Kế hoạch đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát công tác tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

h. Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, các cơ quan báo chí Thành phố: Tổ chức tuyên truyền chính sách và kế hoạch đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, theo Quyết định số 46, trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp với địa phương, doanh nghiệp giải quyết việc làm cho người lao động sau học nghề khi có nhu cầu.

Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo, triển khai, thực hiện hiệu quả Kế hoạch đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022. / *sk*

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB&XH;
- Thường trực Thành ủy; HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- Các Sở, ban, ngành;
- Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, các PCVP,
Phòng KGVX, KT, TKBT;
- Lưu: VT, KGVX Dg. *sk*

8746 6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *sk*
PHÓ CHỦ TỊCH



Chữ Xuân Dũng



**CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP, ĐÀO TẠO DƯỚI 03 THÁNG
CỦA CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2022**

(Kèm theo Kế hoạch số **88** /KH-UBND ngày **17** tháng **3** năm 2022 của UBND Thành phố)

TT	Tên quận, huyện và TX	Số người được đào tạo (Người)	Trong đó	
			Số người được đào tạo nghề phi nông nghiệp (Người)	Số người được đào tạo nghề nông nghiệp (Người)
A	B	1	2	3
1	Quận Ba Đình	150	150	-
2	Thị Xã Sơn Tây	700	350	350
3	Huyện Hoài Đức	1,290	700	590
4	Huyện Gia Lâm	1,116	496	620
5	Huyện Mỹ Đức	1,400	560	840
6	Huyện Mê Linh	385	140	245
7	Huyện Thanh Oai	1,260	490	770
8	Huyện Đông Anh	385	105	280
9	Huyện Ba Vì	70	70	-
10	Huyện Đan Phượng	300	150	150
11	Huyện Quốc Oai	3,230	1,353	1,877
12	Huyện Phú Xuyên	3,699	1,609	2,090
13	Huyện Ứng Hòa	1,179	270	909
14	Huyện Thạch Thất	1,135	505	630
15	Huyện Phúc Thọ	1,095	920	175
16	Huyện Sóc Sơn	630	-	630
17	Huyện Chương Mỹ	2,170	840	1,330
18	Huyện Thường Tín	560	140	420
19	Huyện Thanh Trì	485	320	165
Tổng cộng		21,239	9,168	12,071